TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 391/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 76/2000, quyển số 01, do Ủy ban nhân dân phường Long Phước, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/11/2000.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 124/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những Nời tham gia tố tụng sau đây:

1. Nời yêu cầu: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: 180/2 đường Long Phước, phường Long Phước, Thành phố Hồ Chí Minh;

CCCD: 079079023107, cấp ngày ngày 13/01/2022.

2. Nời yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: 180/2 đường Long Phước, phường Long Phước, Thành phố Hồ Chí Minh;

CCCD: 079180017858, cấp ngày ngày 10/02/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 8 năm 2025.

[2] Hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được việc nuôi con chung. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn L và bà Nguyễn Thị Kim N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thục Đ, sinh ngày 29/12/1999 và Nguyễn Thị Ánh M, sinh ngày 31/12/2001 (tất cả đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí: Ông L, bà N phải chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0005891, ngày 28/7/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 2, Thành phố Hồ Chí Minh; Ông L, bà N đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Nời được thi hành án dân sự, Nời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân KV2;
- Phòng THA DS khu vực 2, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ.

Nông Thành Đức